

Bản án số: 876/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2022

V/v “Tranh chấp về chia tài sản chung
của vợ chồng sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Lan Ngọc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Nguyễn Minh Hiền

2/ Ông Hồ Khắc Di

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đài Trang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:* Bà Võ Ngọc Liên Hương -
Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 764/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 236/2022/QĐST – HNGĐ ngày 26/8/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 379/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn D – sinh năm 1963;

Địa chỉ: 87/115 đường S, Phường J, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 400 đường V, Phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 025801 quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/8/2019 tại Phòng Công chứng G, Thành phố Hồ Chí Minh).

(có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1958;

Địa chỉ: 87/115 đường S, Phường J, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1989;

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Tr, sinh năm 1983;

3. Trẻ Phạm Huỳnh H2, sinh năm 2008;

Người giám hộ của trẻ H2: Ông Phạm Văn H và bà Huỳnh Thị Thùy Tr

4. Ông Phạm Hồng B, sinh năm 1986;

5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1985;

6. Trẻ Phạm Nguyễn B L1, sinh năm 2017;

7. Trẻ Phạm Phú Bình, sinh năm 2007;

Người giám hộ của trẻ Bình và trẻ L1: ông Phạm Hồng B và bà Nguyễn Thị M.

8. Trẻ Phạm Gia H3, sinh năm 2012;

9. Trẻ Phạm Gia L1, sinh năm 2012;

10. Ông Phạm Quốc P, sinh năm 1984;

Người giám hộ của trẻ H3 và trẻ L1: Ông Phạm Quốc P và bà Lư Thị C

Cùng địa chỉ: 87/115 đường S, Phường J, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

- Căn cứ theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2019 và nội dung các bản tự khai, lời trình bày trong quá trình hòa giải - Nguyên đơn ông Phạm Văn D do bà Nguyễn Thị Kim H1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số 87/115 đường S, Phường J, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị L trong thời kỳ hôn nhân theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH03029 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 28/11/2012.

Ngày 25/7/2012 ông D và bà L đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 251/2012/QĐST – HNGĐ ngày 25/7/2012 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, theo nội dung quyết định thì tài sản chung hai bên tự thỏa thuận nhưng các bên đã không tự thỏa thuận PH3 chia được với nhau.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu công nhận căn nhà số 87/115 đường S, Phường J, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng ông D và bà L trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu chia đôi mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã định giá giá trị căn nhà, căn cứ vào kết quả định giá, giá trị tài sản là 4.199.146.789 đồng, nguyên đơn đồng ý với giá do Hội đồng định giá đưa ra và không yêu cầu định giá lại, nguyên đơn đề nghị nhận căn nhà và giao lại cho bị đơn bà L số tiền 2.000.000.000 đồng, giao toàn bộ số tiền trên một lần ngay sau các bên ký biên bản hòa giải thành tại Tòa án. Tuy nhiên trong quá trình thương lượng hòa giải phía bị đơn không hợp tác, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định pháp luật, yêu cầu phát mãi tài sản và nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà số 87/115 đường S, Phường J, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ vào nội dung bản tự khai và biên bản hòa giải - Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà đồng ý với nguyên đơn về nguồn gốc tài sản tranh chấp - căn nhà số 87/115 đường S, Phường J, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông D. Sau khi bà và ông D làm thủ tục thuận tình ly hôn tại Tòa án thì ông D có đề nghị bán $\frac{1}{2}$ căn nhà thuộc quyền sở hữu của ông D cho bà nhưng bà chưa có tiền để mua.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia đôi căn nhà số 87/115 đường S, Phường J, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bà đồng ý nhưng bà đề nghị chia theo hiện trạng, mỗi người sử dụng $\frac{1}{2}$ hiện trạng căn nhà.

Đối với biên bản định giá ngày 07/01/2020 bà không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Phạm Văn D do bà Nguyễn Thị Kim H1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án công nhận căn nhà số 87/115 đường S, Phường J, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị L trong thời kỳ hôn nhân, nguyên đơn đề nghị phát mãi tài sản và nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng từ khi vụ án được thụ lý cũng như tại phiên Tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: không có

Về nội dung: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: công nhận căn nhà số 87/115 đường S, Phường J, quận T, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị L trong thời kỳ hôn nhân. Do các đương sự không thống nhất được việc phân chia tài sản nên đề nghị phát mãi tài sản và giao cho mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà (sau khi trừ các chi phí có liên quan phát sinh từ việc phát mãi – nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Phạm Văn D có đơn yêu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với bà Nguyễn Thị L. Đây là quan hệ tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn ông Phạm Văn D, bị đơn bà Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan gồm các đương sự: ông Phạm Văn H, bà Huỳnh Thị Thùy Tr, trẻ Phạm Huỳnh H2 - Người giám hộ của trẻ H2: ông Phạm Văn H và bà Huỳnh Thị Thùy Tr, ông Phạm Hồng B, bà Nguyễn Thị M, trẻ Phạm Nguyễn B L1, trẻ Phạm Phú Bình - Người giám hộ của trẻ Bình và trẻ L1: ông Phạm Hồng B và bà Nguyễn Thị M, trẻ Phạm Gia H3, sinh năm 2012, trẻ Phạm Gia L1, ông Phạm Quốc Phong, sinh năm 1984 - Người giám hộ của trẻ H3 và trẻ L1: ông Phạm Quốc Phong và bà Lư Thị Cẩm Tú.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bà Nguyễn Thị L hiện đang cư trú tại quận Tân Bình nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật

Tổ tụng dân sự 2015 nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung: nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Hội đồng xét xử nhận định:

Nguồn gốc căn nhà số 87/115 đường S, Phường J, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là do ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị L tạo lập trong thời kỳ hôn nhân theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH03029 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 28/11/2012, do đó nguyên đơn yêu cầu công nhận đây là tài sản chung của vợ chồng ông D bà L trong thời kỳ hôn nhân là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Ngày 25/7/2012 ông D và bà L đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 251/2012/QĐST – HNGĐ ngày 25/7/2012 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình. Theo nội dung quyết định thì tài sản chung hai bên tự thỏa thuận nhưng các bên đã không tự thỏa thuận phân chia được với nhau. Phía bị đơn bà L có bản tự khai xác nhận căn nhà số 87/115 đường S, Phường J, quận T, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà L và ông D và bà L đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông D nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu phát mãi và nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nhưng bị đơn đề nghị chia theo hiện trạng, theo đó ông D và bà L mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ hiện trạng căn nhà. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn và bị đơn đã thuận tình ly hôn và thống nhất tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, nhưng thực tế hai bên đã không thể tự thực hiện được, dẫn đến việc nguyên đơn ông D nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản. Phía bị đơn bà L có ý kiến trình bày bà có yêu cầu chia theo hiện trạng nhưng nguyên đơn yêu cầu chia theo giá trị. Do các đương sự không thống nhất được về việc phân chia và quản lý tài sản, trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa đều thể hiện không ai là người có khả năng nhận tài sản và hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho bên kia nên Hội đồng xét xử xét thấy chia theo giá trị là phù hợp quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 392870, số vào sổ cấp CN: CH03029 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/11/2012 cho ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị L hiện do bà L đang giữ, nên bà L có trách nhiệm bàn giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi các cơ quan này có yêu cầu phát mãi xử lý tài sản tranh chấp.

Căn cứ theo Biên bản định giá ngày 07/01/2020 thì giá trị căn nhà số 87/115 Nguyễn Sỹ Sách, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là 4.199.146.783 đồng, ông D và bà L mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 2.099.573.391 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn và bị đơn nộp tương ứng với giá trị phần được nhận theo quy định pháp luật. Nguyên đơn ông D là thương binh, có công với cách mạng và có đơn xin miễn án phí nên ông được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ do nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 28, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Xác định căn nhà số 87/115 đường S, Phường J, quận T, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị L.

Giao cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi bán đấu giá căn nhà số 87/115 đường S, Phường J, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 392870, số vào sổ cấp CN: CH03029 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/11/2012 cho ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị L mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tại thời điểm phát mãi.

Khi cơ quan có thẩm quyền có yêu cầu phát mãi tài sản, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 392870, số vào sổ cấp CN: CH03029 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/11/2012 cho ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị L; Bà Nguyễn Thị L và các đương sự: ông Phạm Văn H, bà Huỳnh Thị Thùy Tr, trẻ Phạm Huỳnh H2 - Người giám hộ của trẻ H2: ông Phạm Văn H và bà Huỳnh Thị Thùy Tr, ông Phạm Hồng B, bà Nguyễn Thị M, trẻ Phạm Nguyễn B L1, trẻ Phạm Phú Bình - Người giám hộ của trẻ Bình và trẻ L1: ông Phạm Hồng B và bà Nguyễn Thị M, trẻ Phạm Gia H3, sinh năm 2012, trẻ Phạm Gia L1, ông Phạm Quốc Phong, sinh năm 1984 - Người giám hộ của trẻ H3 và trẻ L1: ông Phạm Quốc Phong và bà Lư Thị Cẩm Tú có trách nhiệm bàn giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền xử lý.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Văn D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 73.991.467 đồng.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc

